

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 737/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 30/5/2022

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Quách Thanh Bình

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Hữu Nghĩa
2. Bà Lê Thị Nhanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thư Thái Bình - Thư ký Tòa án nhân dân
Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia
phiên tòa:** Bà Đào Thị Xuân Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 139/2021/TLST - HNGĐ ngày 29/4/2021 về tranh chấp “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1734/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/5/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Trọng H, sinh năm 1981 (vắng mặt).
HKTT: đường V, Phường M, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.
Địa chỉ: đường Đ, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc G, sinh năm 1987 (vắng mặt)
Quốc tịch: Việt Nam.
Địa chỉ: France.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 14/4/2021 và bản tự khai, nguyên đơn – ông Nguyễn Trọng H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bị đơn tự nguyện đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 05, quyển số 01/2011 do Ủy ban nhân dân Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 05/01/2011. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì bị đơn và các con xuất cảnh sang Pháp sinh sống và làm việc. Cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và khoảng cách địa lý. Nhận thấy tình

cảm không còn, không có khả năng đoàn tụ nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bị đơn.

Về việc nuôi con: Nguyên đơn và bị đơn có 02 con chung là trẻ Nguyễn Lê Tâm K, sinh ngày 12/10/2011 và Nguyễn Ngọc Lan Kh, sinh ngày 21/02/2013. Nguyên đơn đồng ý giao 02 con chung cho bị đơn trực tiếp nuôi dưỡng và cấp dưỡng cho mỗi con chung hàng tháng là 10.000.000 đồng.

Về chia tài sản: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm,

* Nguyên đơn có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

* Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Đồng thời bị đơn cũng không có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và bị đơn vắng mặt dù đã được tổng đạt hợp lệ nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn:

+ Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn được ly hôn với bị đơn.

+ Về việc nuôi con: Giao 02 trẻ Nguyễn Lê Tâm K, sinh ngày 12/10/2011 và Nguyễn Ngọc Lan Kh, sinh ngày 21/02/2013 cho bị đơn trực tiếp nuôi dưỡng. Nguyên đơn có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 10.000.000 đồng mỗi trẻ vào ngày đầu hàng tháng, bắt đầu từ tháng 6/2022 cho đến khi con thành niên.

+ Về chia tài sản và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng và án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng là 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

- Ngày 14/4/2021, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn. Bị đơn hiện đang cư trú tại Pháp, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238; điểm c khoản 5 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn và bị đơn tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 05, quyển số 01/2011 do Ủy ban nhân dân Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 05/01/2011, nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Nguyên đơn cho rằng vợ chồng không còn tình cảm do khoảng cách địa lý, mâu thuẫn trong quan điểm sống và cách sống cho nên không còn hòa hợp. Về phía bị đơn Tòa án đã tiến hành ủy thác tư pháp theo đúng thủ tục luật định nhưng bị đơn cũng không có văn bản trả lời về yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn. Do đó, có cơ sở xác định nguyên đơn và bị đơn đã không còn tình cảm với nhau, không quan tâm chăm sóc, giúp đỡ nhau, vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 19, Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc xin ly hôn với bị đơn.

- Về việc nuôi con: Căn cứ Giấy khai sinh số 105, quyển số 01/2011 và số 30/2013, quyển số 01/2013 đều do Ủy ban nhân dân Phường 12, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16/11/2011 và 26/02/2013, thì hai trẻ Nguyễn Lê Tâm K, sinh ngày 12/10/2011 và Nguyễn Ngọc Lan Kh, sinh ngày 21/02/2013 là con chung của nguyên đơn và bị đơn. Hiện nay, hai trẻ đang sinh sống với bị đơn ở Pháp. Xét thấy, hiện nay hai trẻ Nguyễn Lê Tâm K và Nguyễn Ngọc Lan Kh đang sinh sống ổn định với bị đơn tại Pháp và nguyên đơn cũng đồng ý giao hai trẻ cho bị đơn trực tiếp nuôi dưỡng và cấp dưỡng mỗi tháng 10.000.000 đồng cho mỗi trẻ. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của trẻ, căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 129 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao hai trẻ Nguyễn Lê Tâm K, sinh ngày 12/10/2011 và Nguyễn Ngọc Lan Kh, sinh ngày 21/02/2013 cho bị đơn trực tiếp nuôi, nguyên đơn cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 10.000.000 đồng cho mỗi trẻ vào ngày đầu hàng tháng, bắt đầu từ tháng 6/2022 cho đến khi con thành niên.

- Về chia tài sản: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng và án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, khoản 1 Điều 273, điểm c khoản 5 Điều 477 và khoản 3 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 ;

Căn cứ Điều 19, Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 129 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Trọng H.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Trọng H được ly hôn với bà Nguyễn Thị Ngọc G.

- Về việc nuôi con: Giao hai trẻ Nguyễn Lê Tâm K, sinh ngày 12/10/2011 và Nguyễn Ngọc Lan Kh, sinh ngày 21/02/2013 cho bà Nguyễn Thị Ngọc G trực tiếp nuôi. Ông Nguyễn Trọng H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 10.000.000 (mười triệu) đồng cho mỗi trẻ vào ngày đầu hàng tháng, bắt đầu từ tháng 6/2022 cho đến khi con thành niên.

Ông Nguyễn Trọng H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trong trường hợp có yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại Điều 82, 83, 84 116, 117 Luật hôn nhân gia đình 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chậm thực hiện việc trả số tiền nêu trên thì hàng tháng người

phải thi hành án còn phải trả thêm tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

- Về chia tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Trọng H phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí mà ông Nguyễn Trọng H đã nộp theo biên lai số AA/2019/0094007 ngày 28/4/2021 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Nguyễn Trọng H đã nộp đủ án phí đối với yêu cầu ly hôn.

- Ông Nguyễn Trọng H phải nộp án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

3. Ông Nguyễn Trọng H có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn là 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ; bà Nguyễn Thị Ngọc G có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn là 12 (mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại Tp. HCM;
- VKSND Tp. HCM ;
- VKSND cấp cao tại Tp. HCM;
- Cục THADS Tp. HCM;
- Sở Tư pháp Tp. HCM;
- UBND P.12, Q. 4, Tp. HCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (20).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Quách Thanh Bình



Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hữu Nghĩa

Lê Thị Nhanh

Quách Thanh Bình